

MỤC LỤC

NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HẰNG HẢI QUẢNG NINH NĂM 2026	4
Chương I	4
QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Đối tượng áp dụng	4
Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển	4
Chương II.....	6
QUY ĐỊNH CỤ THỂ	6
Mục 1	6
THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN.....	6
Điều 4. Thông tin liên lạc.....	6
Mục 2	6
THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN	6
Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển	6
Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; thông báo điều động tàu thuyền	7
Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, vào, rời cảng biển và hoạt động trong vùng nước cảng biển.....	7
Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển	8
Mục 3	9
HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN	9
Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ	9
Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển	9
Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu	12
Điều 12. Cập cầu, cầu mạn của tàu thuyền	12
Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách	12
Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	13
Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển	13
Mục 4	14

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI	14
Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải	14
Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu	14
Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu.....	14
Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu.....	14
Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu	15
Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng.....	15
Mục 5	15
LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN	15
Điều 22. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ	15
Điều 23. Tăng, giảm, miễn tàu lai dắt hỗ trợ	17
Mục 6	18
AN TOÀN HÀNG HẢI.....	18
Điều 24. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn tàu lai dắt và thuyền trưởng tàu lai	18
Điều 25. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải	18
Điều 26. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải.....	18
Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển.....	19
Điều 28. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	19
Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải	20
Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ	20
Mục 7	20
AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI.....	20
Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải	20
Điều 32. Lao động hàng hải	21
Mục 8	21
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	21
Điều 33. Bảo vệ môi trường tại cảng biển	21
Điều 34. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền	21
Điều 35. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền	21
Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	22
Mục 9	22

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI	22
Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải	22
Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải.....	23
Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.....	24
Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển.....	25
Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển.....	25
Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền	25
Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển	26
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải	26
Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Hải Hà - Đảo Trần - Cô Tô.....	26
Điều 46. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác	26
Điều 47. Trách nhiệm của của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển.....	27
Mục 10	27
CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI	27
Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải	27
Điều 49. Phối hợp giữa Cảng vụ với các cơ quan quản lý nhà nước khác	28
Mục 11	28
CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC	28
Điều 50. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh	28
Chương III	29
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	29
Điều 51. Trách nhiệm thực hiện.....	29
Điều 52. Tổ chức thực hiện.....	29

NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH NĂM 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 555 /QĐ-CVHHQN ngày 30/ 6/ 2026 của
Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy cảng biển này bao gồm các quy định về tàu thuyền, công trình hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh trên cơ sở theo quy định Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, các nghị định sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP), quy định pháp luật khác có liên quan và điều kiện thực tế hoạt động hàng hải tại khu vực.

2. Vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh được quy định tại Thông tư số 50/2025/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh, bao gồm 06 khu vực hàng hải: Vạn Gia - Hải Hà, Mũi Chùa, Cô Tô, Cẩm Phả - Cửa Đồi, Hòn Gai và Quảng Yên.

Thông tin chung về vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh tại Phụ lục I kèm theo Nội quy cảng biển này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy cảng biển này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy cảng biển này cũng được áp dụng đối với cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại cảng biển Quảng Ninh là Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Cảng vụ) có trụ sở chính và các đại diện như sau:

a) Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 4, đường Hồng Gai, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại:

+ Văn phòng: +84-203-3824159;

+ Trục ban thủ tục tàu thuyền: +84-972-153355.

- Email:

+ Văn phòng: cangvu.qnh@vinamarine.gov.vn;

+ Trục ban thủ tục tàu thuyền: cangvuhhq@gmail.com.

- Website: <http://cangvuhanghaiquangninh.gov.vn>.

b) Đại diện Móng Cái

- Địa chỉ: Xã Vĩnh Thục, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: +84-203-3785082.

- Email: vangia.qnh@vinamarine.gov.vn.

c) Đại diện Cẩm Phả

- Địa chỉ: Ngõ 608, đường Lý Thường Kiệt, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: +84-203-3865041.

- Email: campha.qnh@vinamarine.gov.vn; daidiencampha@gmail.com.

d) Đại diện Quảng Yên

- Địa chỉ: Số 45A, đường Ngô Quyền, phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: +84-203-3606.663.

- Email: cangvuquangyen@gmail.com.

đ) Đại diện Bắc Luân

- Địa chỉ: Khu Tràng Vĩ, đường Lạc Long Quân, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: +84-912-300002.

- Email: daidienbacluan.cvhhq@gmail.com.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển bao gồm: Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật và Kiểm dịch thực vật.

Thông tin cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển tại Phụ lục II kèm theo Nội quy cảng biển này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài liên lạc với Cảng vụ qua điện thoại, thư điện tử, trên kênh VHF, các ứng dụng công nghệ thông tin khác hoặc trực tiếp tại các địa chỉ tại Điều 3 của Nội quy cảng biển này.

2. Việc sử dụng VHF liên lạc với Cảng vụ trên các kênh liên lạc sau:

a) Kênh trực canh: 16;

b) Kênh làm việc: 14 hoặc các kênh được chỉ định khác.

3. Ngôn ngữ sử dụng liên lạc trên kênh VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

4. Trường hợp cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc với Cảng vụ qua các Đài Thông tin Duyên hải dưới đây:

a) Hòn Gai Radio/Hồ hiệu: XVQ/Số nhận dạng (ID): 0057410300;

b) Cua Ong Radio/Hồ hiệu: XVC/Số nhận dạng (ID): 0057410200;

c) Mong Cai Radio/Hồ hiệu: XVM/Số nhận dạng (ID): 0057410100.

5. Tên của tàu thuyền hoặc của tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

6. Tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 14, 16. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng VHF vào mục đích riêng trên các kênh 11, 12, 14, 16, 27, 68, 72.

Mục 2 THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển

1. Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Mục 1 Chương IV; Mục 1 và Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện cho phép của luồng hàng hải, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

3. Tàu thuyền rời cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 71 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; thông báo điều động tàu thuyền

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến khu vực cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87 và Điều 88 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Việc thông báo tàu thuyền rời khu vực cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Tàu thuyền được miễn thủ tục vào, rời khu vực cảng biển theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 74 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP phải thông báo cho Cảng vụ bằng văn bản hoặc bằng phương thức thông tin liên lạc khác được quy định tại Điều 4 của Nội quy này.

4. Tàu biển hành trình qua các khu vực hàng hải nhưng không dừng lại, chậm nhất 30 phút trước khi đi vào ranh giới vùng nước cảng biển phải thông báo cho Cảng vụ qua VHF hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác về tên tàu, chiều dài, mớn nước, trọng tải toàn phần, hàng nguy hiểm (nếu có) và dự kiến hành trình của tàu thuyền trong thời gian đi qua.

5. Chậm nhất ngay trước thời điểm điều động và ngay sau khi kết thúc việc điều động, thuyền trưởng tàu biển Việt Nam, tàu thuyền nước ngoài và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB phải thông báo cho Cảng vụ biết qua VHF hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác.

6. Trường hợp tàu thuyền có sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải thì hoa tiêu dẫn tàu hoặc thuyền trưởng thực hiện quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, vào, rời cảng biển và hoạt động trong vùng nước cảng biển

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, vào, rời cảng biển và hoạt động trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Địa điểm làm thủ tục:

a) Đối với các loại tàu thuyền (trừ các tàu thuyền được quy định tại các điểm b và c khoản 4 Điều này) thực hiện thủ tục đến, rời cảng biển tại các địa điểm sau đây:

- Văn phòng Đại diện Móng Cái, nếu đến, rời và hoạt động tại Khu vực hàng hải Vạn Gia - Hải Hà;

- Văn phòng Đại diện Cẩm Phả, nếu đến, rời và hoạt động tại Khu vực hàng hải Mũi Chùa, Cẩm Phả - Cửa Đồi;

- Trụ sở chính của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh, nếu đến, rời và hoạt động tại Khu vực hàng hải Hòn Gai;

- Văn phòng Đại diện Quảng Yên, nếu đến, rời và hoạt động tại Khu vực hàng hải Quảng Yên.

b) Tàu thuyền hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Hải Hà - Đảo Trần - Cô Tô thực hiện thủ tục tại các địa điểm sau:

- Đại diện Cẩm Phả, nếu đến khu vực Cô Tô;

- Đại diện Móng Cái, nếu đến khu vực Hải Hà, Đảo Trần.

c) Trường hợp làm thủ tục tại tàu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

1. Trình tự, thời hạn thủ tục phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Trình tự, thời hạn thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Trình tự, thời hạn thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng và các thiết bị công trình khác thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Trình tự, thời hạn thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 113 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

5. Trình tự, thời hạn thủ tục tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử thực hiện theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

6. Trình tự, thời hạn thủ tục trình kháng nghị hàng hải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

7. Trình tự, thời hạn thủ tục thẩm định phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

8. Trình tự, thời hạn thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

9. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài thực hiện theo quy định của Thông tư số 41/2025/TT-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thẩm quyền, thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

10. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

11. Trình tự, thủ tục công bố thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 và 58 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ

1. Tàu thuyền chỉ được phép neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải khi có Lệnh điều động hoặc sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ được thể hiện bằng giấy hoặc điện tử dưới một trong các hình thức sau:

- a) Giấy phép rời cảng (đối với tàu biển và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB);
- b) Kế hoạch điều động tàu thuyền theo Mẫu số 01 kèm theo Nội quy này (đối với tàu thuyền, tổ chức hoa tiêu, đại lý hoặc chủ tàu và doanh nghiệp cảng);
- c) Lệnh điều động (đối với tàu thuyền) theo Mẫu số 45 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;
- d) Giấy phép chạy thử tàu.

Trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác, lệnh điều động có thể thực hiện bằng thông tin liên lạc trực tiếp qua VHF, điện thoại hoặc các phương thức thông tin liên lạc phù hợp khác.

2. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày và các sửa đổi, bổ sung Kế hoạch được Cảng vụ cập nhật trên trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaiquangninh.gov.vn>

3. Thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ. Trường hợp không thể thực hiện theo Lệnh điều động, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để xử lý sau đó báo cáo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và theo sự hướng dẫn của Cảng vụ.

2. Khi hành trình cùng chiều, tàu thuyền phải luôn giữ khoảng cách an toàn đối với tàu thuyền đi trước, đi sau và các tàu thuyền khác.

3. Trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn, sự cố, không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng hàng hải, phía trên đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gần báo hiệu hàng hải hay các khu vực hạn chế khác. Trong trường hợp cần thiết phải neo đậu hoặc dừng lại, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn cho tàu mình và các tàu thuyền khác và thông báo cho Cảng vụ biết vị trí và lý do neo, đậu của tàu thuyền, đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn theo quy định.

4. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng hàng hải có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác hoạt động trên luồng hàng hải. Tàu thuyền nhỏ nếu có thể hành trình an toàn ngoài luồng hàng hải thì không được gây trở ngại đến hành trình của tàu thuyền lớn chỉ có thể hành trình an toàn trong phạm vi giới hạn của luồng hàng hải. Trong trường hợp phải cắt ngang luồng hàng hải, các phương tiện này phải hành trình theo hướng mũi tàu tạo với hướng chính của luồng một góc càng gần 90° càng tốt.

5. Tàu thuyền không được phép đi vào vùng tàu thuyền khác đang quay trở, nếu hành động đó làm ảnh hưởng tới quá trình quay trở.

6. Tàu thuyền đang tiến hành quay trở phải tăng cường cảnh giới và sử dụng âm hiệu, tín hiệu thích hợp để cảnh báo cho các tàu thuyền khác đang đến gần biết về tình trạng hiện tại cũng như dự kiến điều động của tàu mình ngay từ khi những tàu thuyền đó còn ở khoảng cách an toàn.

7. Trường hợp điều kiện thực tế cho phép, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại chỗ để rời, cập cầu hoặc rời, cập mạn tàu khác nếu bảo đảm an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác.

8. Cần cầu, cầu thang lên xuống và các thiết bị khác phải đưa vào giá đỡ và chằng buộc bảo đảm an toàn trước khi điều động tàu thuyền di chuyển.

9. Các đoàn lai đẩy, lai áp mạn khi di chuyển trong khu vực hàng hải, phải được liên kết để tạo thành một khối vững chắc. Đối với đoàn lai kéo, các phương tiện bị lai kéo phải được liên kết để tạo thành một khối vững chắc.

10. Mọi tàu thuyền hành trình trong khu vực hàng hải phải duy trì mớn nước phù hợp để đảm bảo tính năng điều động hiệu quả.

11. Tàu thuyền khi hành trình trên các tuyến luồng trong vùng nước cảng biển phải duy trì độ sâu dự phòng dưới ky tàu (UKC) phù hợp với điều kiện thực tế của tàu, luồng hàng hải, thủy triều, khí tượng thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng khác nhằm bảo đảm an toàn hàng hải. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển Quảng Ninh cần tham khảo giá trị độ sâu dự phòng tối thiểu dưới ky tàu (UKC_{min}) tại khoản 12 Điều này.

12. Độ sâu dự phòng tối thiểu dưới ky tàu (UKC_{min})

- a) Đối với luồng hàng hải Vạn Gia: 0,5m.
- b) Đối với luồng hàng hải Cẩm Phả:
 - Tàu thuyền có mớn nước thực tế nhỏ hơn 9m: 0,7 m;
 - Tàu thuyền có mớn nước thực tế từ 9m đến 13m: 0,9 m;
 - Tàu thuyền có mớn nước trên 13m: 1,0 m.
- c) Đối với luồng hàng hải Hòn Gai-Cái Lân:
 - Tàu thuyền có mớn nước thực tế nhỏ hơn 9m: 0,5 m;
 - Tàu thuyền có mớn nước thực tế từ 9m đến 13m: 0,7 m;
 - Tàu thuyền có mớn nước trên 13m: 0,9 m.
- d) Luồng hàng hải Sông Chanh: 0,5 m.

Giá trị độ sâu dự phòng tối thiểu dưới ky tàu (UKC_{\min}) quy định tại khoản này là thông tin phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải, không thay thế trách nhiệm của thuyền trưởng trong việc quyết định điều kiện an toàn trước khi hành trình hoặc điều động tàu trên luồng.

13. Trừ trường hợp điều động khẩn cấp để tránh nguy cơ đâm va, khi hành trình trong vùng nước cảng biển, tàu thuyền phải duy trì giới hạn tốc độ cụ thể như sau:

- a) Không vượt quá 06 hải lý/giờ: Đoạn luồng từ cặp phao 19, 20 luồng Hòn Gai - Cái Lân đến các cầu cảng ở khu vực thượng lưu Cái Lân.
- b) Không vượt quá 08 hải lý/giờ:
 - Đoạn luồng từ cặp phao 10, 11 đến hết phao 12 luồng Vạn Gia;
 - Đoạn luồng từ vũng Thảm Thì đến cầu cảng Mũi Chùa;
 - Đoạn luồng ngang qua các khu neo đậu, chuyển tải Hòn Nét, Con Ong;
 - Đoạn luồng từ hòn Con Ong đến cầu cảng khu vực Cẩm Phả;
 - Luồng nhánh vào Nhà máy Xi măng Cẩm Phả;
 - Đoạn luồng từ Hòn Đầu Trâu đến cặp phao 19, 20 luồng Hòn Gai - Cái Lân;
 - Luồng hàng hải Sông Chanh.
- c) Tàu thuyền hành trình với tốc độ không vượt quá 10 hải lý/giờ:
 - Đoạn luồng từ phao 0 đến cặp phao 10, 11 luồng Vạn Gia;
 - Các đoạn luồng hàng hải khác.
- d) Tàu thuyền phải giảm tốc độ và điều động thận trọng khi hành trình ngang qua hay gần các khu vực dưới đây:
 - Các điểm chuyển hướng khu vực Cửa Lục (cầu Bãi Cháy), Hòn Lọ Mực, Đầu Tán, Cửa Đại, Cửa Đồi;
 - Ngang khu vực bến cảng khách, bến khách ngang sông, bãi tắm;

- Khu vực đang có thợ lặn hoạt động, đang tiến hành nạo vét hay các hoạt động ngầm dưới nước, khu vực đang thi công công trình, trục vớt tài sản chìm đắm theo thông báo của Cảng vụ;

- Khu vực có tàu thuyền chèo tay, chuyển tải khách du lịch;
- Khu vực có cần cầu nổi đang hoạt động, cầu Bãi Cháy;
- Khu vực có tàu thuyền neo đậu chuyển tải hàng hóa;
- Các khu vực hạn chế khác theo Thông báo hàng hải của Cảng vụ.

đ) Việc hạn chế tốc độ quy định tại điểm a, b và c khoản 12 Điều này không áp dụng đối với các tàu thuyền: công vụ, cứu hỏa, cứu nạn khi đang làm nhiệm vụ và các trường hợp khẩn cấp khác.

Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

1. Tàu thuyền khi neo đậu trong vùng nước cảng biển phải chấp hành quy định tại các Điều 62, 65, 66 và 69 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Các phương tiện thủy nội địa neo chờ để xếp dỡ hàng hóa trong vùng nước cảng biển phải neo đậu tại vị trí theo chỉ định và hướng dẫn của Cảng vụ.

3. Tất cả các tàu thuyền khi cập cầu phải thiết lập lối đi lại lên, xuống tàu đảm bảo an toàn, trang bị đầy đủ lưới bảo vệ, lan can tay vịn, đèn chiếu sáng, phao tròn cứu sinh, biển ghi thông tin về tải trọng an toàn.

4. Các tàu khi neo đậu nếu động cơ chính không bảo đảm sẵn sàng hoạt động theo yêu cầu, phải có tàu lai thường trực sẵn sàng hỗ trợ điều động khi cần thiết.

5. Khi nhận được tin dự báo thời tiết có bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp tới cảng biển Quảng Ninh, Cảng vụ yêu cầu các tàu thuyền ở trong cảng thay đổi vị trí như sau:

a) Phương tiện thủy nội địa (trừ phương tiện mang cấp VR-SB) tự chọn vị trí neo tránh, trú bão theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

b) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB neo, đậu tại vị trí theo chỉ định của Cảng vụ.

Điều 12. Cập cầu, cầu mạn của tàu thuyền

1. Việc cập cầu, cập mạn của tàu thuyền tại cảng biển được thực hiện theo quy định tại Điều 62, Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Phương tiện thủy nội địa cập cầu cảng, cập mạn tàu biển để xếp, dỡ hàng hóa, vận chuyển, chuyển tải hành khách hoặc cung ứng dịch vụ theo sự chấp thuận của Cảng vụ tại Giấy phép vào/rời cảng, bến hoặc Lệnh điều động.

Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

1. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trước khi khởi hành, thuyền trưởng tàu thuyền vận chuyển hành khách phải hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí đặt và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải.

3. Tàu thuyền vận chuyển hành khách du lịch trong vùng nước cảng biển phải hành trình theo đúng tuyến quy định và trong mọi trường hợp phải nhường đường cho tàu biển đang hành trình trên luồng hàng hải.

Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

1. Hoạt động vận tải thủy từ bờ ra đảo theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Giao thông vận tải về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT ngày 10 tháng 4 năm 2024 Bộ trưởng Giao thông vận tải và các quy định khác có liên quan.

2. Tàu thuyền hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Duy trì điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định của pháp luật;

c) Trang bị đủ số lượng phao, áo phao cho thuyền viên và hành khách trên tàu thuyền;

d) Nhân viên phục vụ trên tàu thuyền phải được bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định; được huấn luyện về cứu sinh, cứu hỏa, cứu đắm và sơ cứu y tế.

Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển

1. Trước khi hoạt động nạo vét, xây dựng, thi công các công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước hoặc các công trình hàng hải khác trong vùng nước cảng biển và vùng biển tỉnh Quảng Ninh, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tàu thuyền tham gia vận chuyển chất nạo vét trong thi công nạo vét phải lắp đặt thiết bị giám sát nạo vét theo quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trước khi tiến hành thi công, thuyền trưởng hoặc người chỉ huy tàu thuyền thi công phải xin phép Cảng vụ theo trình tự thủ tục được quy định tại Điều 8 của Nội quy này.

4. Trước khi thực hiện hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng hoặc người chỉ huy tàu thuyền tham gia thi công phải thực hiện trình tự thủ tục được quy định tại Điều 8 của Nội quy này.

5. Đối với các công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, phong điện hoặc các công trình tương tự khác phải được thiết lập báo hiệu hàng hải và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định.

Mục 4

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải thực hiện theo quy định tại Chương XI của Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Mục 6 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Kế hoạch dẫn tàu theo quy định tại khoản 4 Điều 103 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được thực hiện theo Mẫu số 02 kèm theo Nội quy này.

2. Trường hợp có yêu cầu phát sinh thay đổi về thời gian dẫn tàu hoặc yêu cầu phát sinh về dẫn tàu, tổ chức hoa tiêu phải gửi kế hoạch dẫn tàu (bổ sung) kịp thời cho Cảng vụ để bổ sung kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày.

3. Trường hợp có yêu cầu đột xuất làm thay đổi thời gian dẫn tàu theo kế hoạch, tổ chức hoa tiêu hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ qua VHF hoặc điện thoại và chỉ được thực hiện dẫn tàu khi Cảng vụ đồng ý.

Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến vị trí đón, trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí cầu thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên tàu, rời tàu an toàn. Cầu thang hoa tiêu phải được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí các thiết bị cứu sinh và bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 104 và 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Hoa tiêu phải thông báo tình hình dẫn tàu theo các yêu cầu sau đây:

a) Ngay trước khi tiến hành điều động dẫn tàu và chỉ được dẫn tàu khi được Cảng vụ chấp thuận;

b) Khi kết thúc việc dẫn tàu và báo vị trí chính xác cho Cảng vụ.

3. Thông báo kịp thời cho Cảng vụ về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất tàu lai theo quy định của Nội quy này.

4. Trường hợp tàu mình đang dẫn để xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ và chậm nhất 24 giờ kể từ thời điểm rời tàu phải báo cáo bằng văn bản có xác nhận của tổ chức hoa tiêu về sự việc xảy ra. Nội dung báo cáo phải nêu diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có).

5. Hoa tiêu dẫn tàu phải ký, ghi rõ họ và tên của hoa tiêu dẫn tàu (kể cả hoa tiêu tập sự, nếu có) trong Phiếu hoa tiêu (Pilot Card), đồng thời, ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu xác nhận dịch vụ.

Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 247 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất 02 giờ trước khi đến vị trí hoa tiêu hoặc trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ về việc tự dẫn tàu và gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải. Trong quá trình tự dẫn tàu, thuyền trưởng có trách nhiệm thông báo tình hình dẫn tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nội quy này.

Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dất hỗ trợ và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động tàu thuyền vào, rời cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải, khu neo đậu, di chuyển trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải có trách nhiệm liên lạc với doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải và thuyền trưởng tàu lai (đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ) để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng, khu chuyển tải, khu neo đậu. Trong trường hợp chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu thuyền phải thông báo ngay cho Cảng vụ để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

LAI DẤT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 22. Sử dụng tàu lai dất hỗ trợ

1. Việc sử dụng tàu lai hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Chương XII của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Chiều dài tàu thuyền quy định tại Điều này là chiều dài lớn nhất của tàu thuyền tính bằng đơn vị mét. Đối với đoàn lai đẩy, chiều dài được tính bằng tổng chiều dài đoàn bị lai và tàu lai đẩy.

3. Tàu thuyền có chiều dài từ 80 mét trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng và cập, rời mạn tàu thuyền khác phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định sau đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài từ 80 mét đến dưới 110 mét: Có ít nhất một tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 700 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài từ 110 mét đến dưới 130 mét: Có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 1.400 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 700 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài từ 130 mét đến dưới 150 mét: Có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất tối thiểu 2.000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 700 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài từ 150 mét đến dưới 170 mét: Có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất tối thiểu 2.900 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 900 HP;

đ) Tàu thuyền có chiều dài từ 170 mét đến dưới 200 mét: Có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất tối thiểu 4.500 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.500 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài từ 200 mét đến 220 mét: Có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 6.200 HP, trong đó hai tàu lai mỗi tàu có công suất tối thiểu 1.500 HP và một tàu lai công suất tối thiểu 3.200 HP;

g) Tàu thuyền có chiều dài trên 220 mét: Có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 6.500 HP, trong đó hai tàu lai mỗi tàu có công suất tối thiểu 1.500 HP và một tàu lai công suất tối thiểu 3.500 HP.

4. Đối với tàu thuyền không hàng khi đến, rời cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển:

a) Tàu thuyền có chiều dài từ 80 mét đến dưới 170 mét: Áp dụng như các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này;

b) Tàu thuyền có chiều dài từ 170 mét đến dưới 200 mét: Có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất tối thiểu 4.400 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.200 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài từ 200 mét trở lên: Có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 6.200 HP, trong đó hai tàu lai mỗi tàu có công suất tối thiểu 1.500 HP và một tàu lai công suất tối thiểu 3.200 HP.

5. Khi cập, rời bến phao:

a) Tàu thuyền có chiều dài từ 80 mét đến dưới 170 mét: Có ít nhất một tàu lai hỗ trợ có công suất tối thiểu 900 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài từ 170 mét đến dưới 200 mét: Có ít nhất một tàu lai hỗ trợ có công suất tối thiểu 1.500 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài từ 200 mét trở lên: Có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 3.000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1.500 HP.

6. Khi di chuyển trong vùng nước cảng biển:

a) Tàu khách có chiều dài lớn nhất từ 250 mét trở lên, khi đến, rời Cảng khách quốc tế Hạ Long phải có ít nhất một tàu lai công suất tối thiểu 1.500 HP hỗ trợ khi hành trình từ đoạn Hòn Pháo Ngoài đến cặp phao 19-20;

b) Tàu thuyền khác có chiều dài lớn nhất từ 220 mét trở lên:

- Khi đến, rời khu vực hàng hải Cẩm Phả - Cửa Đồi phải có ít nhất một tàu lai công suất tối thiểu 1.500 HP hỗ trợ khi hành trình qua khu vực Hòn Lọ Mực;

- Khi đến, rời khu vực hàng hải Hòn Gai phải có ít nhất một tàu lai công suất tối thiểu 1.500 HP hỗ trợ khi hành trình qua khu vực từ ngang Hòn Pháo Ngoài đến cặp phao 23-24;

- Khi đến, rời khu vực hàng hải Quảng Yên phải có ít nhất một tàu lai công suất tối thiểu 1.500 HP hỗ trợ khi hành trình từ vị trí đón trả hoa tiêu Hải Phòng đến cầu, bến cảng.

c) Tàu thuyền neo đậu tại khu neo có mớn nước lớn hơn 13 mét, khi di chuyển, cần quay trở trong điều kiện thủy triều lên xuống từ 30cm/giờ trở lên, phải có ít nhất một tàu lai công suất tối thiểu 1.500 HP hỗ trợ.

7. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 mét khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí nếu cần thiết để bảo đảm an toàn cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

Điều 23. Tăng, giảm, miễn tàu lai dặt hỗ trợ

1. Trong trường hợp đặc biệt hoặc khi điều kiện hành hải không bình thường, trên cơ sở đánh giá điều kiện thực tế tại khu vực và ý kiến của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải, Giám đốc Cảng vụ quyết định tăng số lượng, công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, cụ thể như sau:

a) Độ cao thủy triều thay đổi từ 40cm/giờ trở lên;

b) Gió từ cấp 6 (theo thang sức gió beaufort) trở lên;

c) Tàu thuyền phải quay trở tại khu vực có đường kính quay trở hẹp;

d) Tàu thuyền mất khả năng điều động;

đ) Các trường hợp cần thiết khác nhằm đảm bảo an toàn cho tàu.

2. Ngoài quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 của Điều 22, trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải và các điều kiện thực tế khác, Giám đốc Cảng vụ quyết định giảm số lượng, công suất tàu lai hoặc miễn tàu lai đối với tàu thuyền được hỗ trợ có thiết bị đẩy ngang hỗ trợ điều động chuyên dụng cho cập, rời cầu và quay trở

hoặc sử dụng tàu lai được trang bị chân vịt trong ống bao, chân vịt biến bước, chân vịt biến bước đặt trong ống bao.

Mục 6 **AN TOÀN HÀNG HẢI**

Điều 24. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn tàu lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

1. Tàu lai và tàu biển hoặc các phương tiện được lai dắt khác hợp thành đoàn tàu lai dắt khi hoạt động trong vùng nước cảng biển Quảng Ninh phải chấp hành quyền của chỉ huy tàu lai dắt theo khoản 3 Điều 259 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

2. Thuyền trưởng, hoa tiêu tàu thuyền được lai dắt có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải biết việc cung cấp tàu lai chậm trễ hoặc không đủ số lượng, công suất, loại tàu lai hỗ trợ theo quy định.

3. Thuyền trưởng tàu được lai dắt phải trao đổi, thống nhất với thuyền trưởng tàu lai phương pháp lai hỗ trợ, vị trí để buộc dây lai hoặc vị trí lai đẩy, vị trí đặc biệt sử dụng cho việc lai đẩy (nếu có) trước khi tàu thuyền đến vị trí thỏa thuận sử dụng dịch vụ lai dắt.

4. Trường hợp tàu thuyền được lai dắt có hoa tiêu dẫn tàu, thuyền trưởng có thể ủy quyền cho hoa tiêu liên lạc với thuyền trưởng tàu lai trao đổi, thống nhất các nội dung nêu tại khoản 3 Điều này.

5. Thuyền trưởng tàu thuyền được lai dắt có chiều dài lớn nhất trên 100 m có trách nhiệm bố trí sẵn sàng một dây buộc tàu phía trước mũi để có thể kết nối với tàu lai trong tình huống khẩn cấp.

Điều 25. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 105 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Mục 1 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 26. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải

Ngoài các trường hợp phải xây dựng, thực hiện Phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo cho Cảng vụ bằng văn bản, trong đó nêu rõ các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải khi thực hiện các hoạt động sau:

1. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố dầu tràn, an ninh hàng hải hoặc tiến hành tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải tại khu vực;

2. Khi tổ chức lai dắt tàu biển bị mất khả năng điều động trong vùng nước cảng biển;

3. Khi tiến hành hạ thủy tàu thuyền từ các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển;

4. Khi thuyền viên bị dịch bệnh phải tiến hành cách ly dẫn đến không đủ số lượng, chức danh thuyền viên trực ca theo quy định;

5. Khi tàu thuyền có trọng tải từ 7.000 tấn trở lên cập mạn nhau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 68 Nghị định 58/2017/NĐ-CP.

Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền không được phép tránh, vượt nhau tại các đoạn luồng dưới đây:

a) Khúc cua Đầu Tán của luồng hàng hải Vạn Gia;

b) Khúc cua Hòn Lọ Mực; khúc cua hòn Đồi Đầu Giường; luồng hàng hải chuyên dùng Cẩm Phả (từ phao 19 đến bến cảng than Cẩm Phả); khúc cua tại nhánh rẽ từ luồng Cẩm Phả vào luồng nhà máy xi măng Cẩm Phả;

c) Khúc cua Hòn Một; khu vực cầu Bãi Cháy; đoạn luồng từ cầu 7 Bến cảng Cái Lân đến Nhà máy đóng tàu Hạ Long của luồng hàng hải Hòn Gai - Cái Lân.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Cảng vụ quyết định phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển trong một số trường hợp. Nội dung phân luồng được công bố trong Thông báo hàng hải.

Điều 28. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải, quy định pháp luật khác có liên quan và các yêu cầu sau:

a) Khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới dự kiến ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực phải:

- Tổ chức lực lượng thường trực 24h/24h để theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và triển khai ngay các kế hoạch, biện pháp cần thiết phòng chống, bảo vệ phương tiện, cầu bến, kho xưởng, hàng hóa, trụ sở;

- Duy trì công tác phối hợp hoạt động giữa các đơn vị trong doanh nghiệp; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Ninh, Cảng vụ và các đơn vị khác trong khu vực. Các doanh nghiệp có lực lượng, phương tiện phù hợp sẵn sàng thực hiện lệnh điều động phối hợp tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu của Cảng vụ;

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và xây dựng phương án ứng phó thiên tai gửi Cảng vụ để báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành quy định tại Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển ban hành kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, quy định pháp luật khác có liên quan và quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Chấp hành yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

4. Nghiêm cấm việc mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu không đúng tình trạng thực tế của tàu. Trường hợp do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu đã phát.

Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện quy định về xử lý tai nạn hàng hải theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm thực hiện Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển tại các Điều 113, 114 và 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thuyền trưởng, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ biết, phối hợp xử lý theo quy định.

3. Tàu chở xăng dầu, khí hoá lỏng, chất nổ, hóa chất độc hại khi neo đậu tại vùng nước cảng biển phải cảnh báo cho các tàu thuyền neo đậu xung quanh biết; tăng cường cảnh giới và sẵn sàng điều động tàu ra vị trí an toàn khi có yêu cầu.

Mục 7

AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải

1. Thuyền trưởng tàu thuyền, doanh nghiệp khai thác cảng biển phải thực hiện các quy định tại các Điều 106, 107 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Điều 106, 108, 109, 112 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (ISPS Code), Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển,

được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2024.

2. Tăng cường công tác cảnh giới và có biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa đảm bảo an ninh cho tàu khi neo đậu tại các khu neo đậu, chuyển tải và khu đón, trả hoa tiêu.

3. Không cho phép các tàu thuyền không có nhiệm vụ cập mạn tàu thuyền mình.

Điều 32. Lao động hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển và vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về lao động hàng hải và quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng của Công ước lao động hàng hải (MLC 2006) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Công ước này và quy định pháp luật có liên quan khác.

3. Khi xảy ra tai nạn lao động hàng hải trong vùng nước cảng biển, chủ tàu hoặc thuyền trưởng có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Thông tư số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải và kịp thời báo cáo cho Cảng vụ để phối hợp xử lý.

Mục 8 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 33. Bảo vệ môi trường tại cảng biển

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định các quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Điều 105 và Điều 128 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường, Mục 2 Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 34. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển không được bơm xả các loại nước bẩn, cặn bẩn, chất thải, dầu hoặc hợp chất dầu và các loại chất độc hại khác; không được vứt, đổ rác hoặc các đồ vật khác từ tàu xuống nước hoặc cầu cảng.

Điều 35. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

Việc thực hiện chế độ đổ rác, bơm xả nước bẩn, nước dằn tàu và các chất thải phát sinh từ hoạt động hàng hải phải thực hiện theo quy định sau:

1. Chất thải từ tàu thuyền phải được thu gom, phân loại theo nhóm, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý theo quy định;

2. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Nếu trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại;

3. Tàu thuyền phải xử lý nước dằn trước khi vào cảng theo quy định, trường hợp có nhu cầu xả nước dằn trong vùng nước cảng phải có đơn đề nghị. Trong đơn phải trình bày rõ số lượng, nguồn gốc, thời gian xả và chỉ được xả khi Cảng vụ đồng ý;

4. Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài, các cơ quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo đúng quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về Quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cảng biển tại các Điều 118, 119 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng phó sự cố môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến tràn dầu, các tàu thuyền neo đậu tại khu vực lân cận phải di chuyển theo hướng dẫn, điều tiết của Cảng vụ và thực hiện các quy định theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, điều kiện cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cung cấp và đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao, bảo đảm chất lượng dịch

vụ, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Lập kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo Mẫu số 02 kèm theo Nội quy này, thông báo với Cảng vụ hàng hải để thống nhất thực hiện; trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do.

4. Phối hợp với tổ chức bảo đảm an toàn hàng hải, doanh nghiệp cảng, đại lý của chủ tàu và các cơ quan, tổ chức liên quan tại khu vực để tổ chức cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải an toàn, hiệu quả.

5. Quản lý hoạt động của hoa tiêu bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải và sự khẩn cấp của hoa tiêu trong khi thực hiện nhiệm vụ.

6. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác cảng biển, bến phao được quy định cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp khai thác cảng biển, bến phao có trách nhiệm thực hiện quy định tại các Điều 22, 37, 67 và 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự;

b) Gửi Kế hoạch điều độ tàu vào, rời cảng cho Cảng vụ theo Mẫu số 4 kèm theo Nội quy này;

c) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo trì, bảo vệ công trình hàng hải;

d) Không được để các cần cầu bờ gây trở ngại, gây nguy hiểm cho việc điều độ tàu vào, rời cầu cảng. Trường hợp do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng mà cần cầu phải vươn ra ngoài cầu cảng, ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải của các tàu thuyền lân cận, doanh nghiệp cảng biển phải thông báo cho Cảng vụ biết và phải có biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định;

đ) Giữ gìn vệ sinh khu vực cầu, bến cảng, không để hàng hóa rơi vãi, bụi bẩn, gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;

e) Có các biện pháp hữu hiệu phòng ngừa cháy, nổ và chữa cháy hiệu quả khi xảy ra trong khu vực cảng và hỗ trợ tàu thuyền khi cần;

g) Phối hợp chặt chẽ với thuyền trưởng, chủ hàng hoặc người vận chuyển để đảm bảo việc xếp dỡ hàng hóa được tuân thủ theo các quy định của pháp luật, duy trì sự ổn định của tàu, an toàn cho thuyền viên làm việc trên tàu;

h) Tuân thủ quy định về quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải phát sinh từ tàu thuyền tại các cảng biển Việt Nam;

i) Trường hợp hàng hóa tồn đọng lâu ngày tại cảng, có nguy cơ gây cháy, nổ hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải thông báo cho Cảng vụ và các cơ quan có liên quan biết để kịp thời xử lý;

k) Trường hợp tàu biển cập, rời cầu cảng nếu xét thấy ảnh hưởng đến các tàu thuyền đang neo buộc, cập mạn tại cầu cảng lân cận thì phải thông báo cho thuyền trưởng các tàu thuyền đó biết để bổ sung biện pháp bảo đảm an toàn;

l) Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến an ninh cảng biển về sỹ quan an ninh cảng biển; về đánh giá an ninh cảng biển và về kế hoạch an ninh cảng biển, doanh nghiệp cảng biển phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ.

2. Doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyên tải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về an toàn, vệ sinh lao động và các yêu cầu sau:

a) Trang bị đầy đủ trang, thiết bị bảo hộ lao động, hướng dẫn về các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc trên tàu biển, phù hợp với tính chất lý hóa của từng loại hàng hóa xếp/dỡ. Bố trí công nhân làm việc có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp;

b) Có biện pháp quản lý, giám sát người lao động để đảm bảo người lao động tuân thủ những quy định về vệ sinh, an toàn lao động. Phối hợp với thuyền viên trên tàu và Cảng vụ để đảm bảo an toàn trong hoạt động xếp/dỡ hàng hóa, bảo đảm an ninh trật tự trên tàu thuyền và bảo vệ môi trường biển;

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan để đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động xếp, dỡ hàng hóa;

d) Tuân thủ quy định về thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các phương tiện tham gia hoạt động xếp, dỡ hàng hóa trong vùng nước cảng biển. Ngoài ra, cung cấp cho Cảng vụ số điện thoại của cán bộ quản lý điều hành hoạt động xếp, dỡ hàng hóa trên từng tàu để phối hợp quản lý, giám sát.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

1. Phải tuân thủ quy định tại Mục 1 Chương X Bộ luật Hàng hải Việt Nam, điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trước khi tàu đến cảng, phải cung cấp cho Cảng vụ thư chỉ định hoặc văn bản ủy thác hoặc hợp đồng làm đại lý.

3. Trước khi tàu đến cảng, phải cung cấp Nội quy cảng biển; đặc điểm, thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, cảng/bến phao, khu nước, vùng nước; các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ và đề nghị thuyền trưởng, chủ tàu nghiên cứu, chấp hành.

4. Chủ động liên hệ với Cảng vụ và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải, khí tượng thủy văn, tính chất đáy

biển tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo cần thiết khác về an toàn để kịp thời thông báo cho Thuyền trưởng.

5. Khi thay đổi hoặc bổ sung nhân viên đại lý tàu biển, phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biết.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cảng vụ.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải biển và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, điều kiện kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tàu lai thực hiện dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật và bố trí thuyền viên theo quy định.

3. Trước ngày mùng 5 hàng tháng phải gửi thống kê lượt tàu lai phục vụ trong vùng nước cảng biển của tháng trước đó cho Cảng vụ để làm căn cứ thu phí, lệ phí hàng hải theo quy định.

4. Kịp thời gửi kế hoạch tàu lai hỗ trợ cho Cảng vụ (nội dung thông báo gồm: tên tàu lai; công suất; tên tàu được lai; thời gian dự kiến lai dắt hỗ trợ thực hiện theo Mẫu số 03 kèm theo Nội quy này).

5. Tàu lai phải sẵn sàng trước khi tàu được lai dắt, hỗ trợ dự kiến cập, rời cầu, bến phao; cập, rời mạn tàu.

Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền

1. Doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, hoán cải tàu thuyền và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Kịp thời báo cáo đến Cảng vụ hàng hải khi xảy ra các sự cố, tai nạn trong quá trình đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền.

3. Thực hiện kịp thời các yêu cầu của Cảng vụ hàng hải nhằm đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, an toàn lao động và các vấn đề khác có liên quan đến doanh nghiệp.

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, pháp luật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các quy định pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và Điều 3 Thông tư 34/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

2. Không gây ảnh hưởng tới an toàn, an ninh trật tự và các hoạt động bình thường của tàu thuyền trong quá trình tiếp nhận, thu gom chất thải từ tàu thuyền.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải

Tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 108 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Chương III của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo Hải Hà - Đảo Trần - Cô Tô

1. Phải tuân thủ quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, quy định về thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thông báo kế hoạch chạy tàu cho Cảng vụ để lập kế hoạch đến, rời cảng biển.

3. Duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) và thiết bị vô tuyến VHF theo quy định.

4. Thực hiện các biện pháp đảm bảo cho hành khách và phương tiện; hành trình đúng tuyến đã được công bố; kịp thời thông báo cho Cảng vụ và các đơn vị liên quan khi tàu gặp sự cố, tai nạn.

Điều 46. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác

1. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ và quy định pháp luật khác có liên quan để thực hiện.

2. Chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải thông báo cho Cảng vụ biết khi hoạt động tại khu vực quản lý của Cảng vụ.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng biển thuộc diện kê khai giá quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam phải thực hiện kê khai giá theo quy định và gửi văn bản kê khai giá lần đầu (bổ sung nếu có) đến Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh theo quy định của Luật giá số 16/2023/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Điều 47. Trách nhiệm của của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển

1. Đảm bảo chỉ thực hiện khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển khi không ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Duy trì khoảng cách an toàn giữa ranh giới khu vực khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản với ranh giới khu neo đậu tàu thuyền và phạm vi bảo vệ công trình hàng hải theo quy định hoặc theo khuyến nghị của Cảng vụ.

3. Báo cáo kịp thời Cảng vụ sự cố, tai nạn hàng hải hoặc các vấn đề liên quan đến an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường phát hiện được trong quá trình khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển.

Mục 10

CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ hàng hải

1. Cảng vụ phải chủ động phối hợp với các Cảng vụ hàng hải khác có liên quan để giải quyết các vụ việc, tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của mình, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

2. Trường hợp phát sinh các tình huống vượt quá thẩm quyền của Cảng vụ phải báo cáo ngay Cục Hàng hải Việt Nam và Đường thủy Việt Nam và chính quyền địa phương để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhau khi thi hành nhiệm vụ nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp cảng, chủ tàu, chủ hàng, tàu thuyền và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, đảm bảo cho các hoạt động an toàn và hiệu quả.

Điều 49. Phối hợp giữa Cảng vụ với các cơ quan quản lý nhà nước khác

Cảng vụ có trách nhiệm tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, bao gồm:

1. Chủ trì, điều hành việc phối hợp hoạt động quản lý giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển;
2. Tổ chức và chủ trì các hội nghị, cuộc họp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hoặc với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan khác tại khu vực cảng biển để trao đổi thống nhất việc giải quyết những vướng mắc phát sinh trong hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển mình phụ trách;
3. Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển thông báo kịp thời kết quả làm thủ tục và biện pháp giải quyết những vướng mắc phát sinh; yêu cầu doanh nghiệp cảng, chủ tàu, thuyền trưởng của tàu thuyền và các cơ quan, tổ chức liên quan khác cung cấp số liệu, thông tin về hoạt động hàng hải tại cảng biển;
4. Kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc xã, phường tại khu vực để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc xã, phường có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển.

Mục 11 CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

Điều 50. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh

Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm:

1. Thông báo cho cơ quan y tế có thẩm quyền biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng;
2. Thông báo cho các cơ quan Kiểm dịch thực vật, động vật về những hàng hóa nông, lâm sản, thực phẩm, gia súc nhập khẩu phải tiến hành kiểm dịch theo quy định;
3. Thông báo cho Cảng vụ trước khi tiến hành khử trùng, hun chuột;
4. Trong trường hợp tàu thuyền cần tiến hành xử lý y tế, cách ly giám sát dịch bệnh, khử trùng phải thông báo cho Cảng vụ và chỉ được tiến hành tại vị trí chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan chuyên môn; việc thực hiện phải đảm bảo theo đúng quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài khi hoạt động tại cảng biển Quảng Ninh có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam gia nhập hoặc ký kết và Nội quy này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh với Cảng vụ để sửa đổi, bổ sung Nội quy này.

Điều 52. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng các phòng, đại diện thuộc Cảng vụ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Nội quy này.

2. Giao Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng tiếp nhận, tổng hợp ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân và tham mưu cho Giám đốc Cảng vụ giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nội quy này.